

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 6 - 2019

V/v tranh chấp ly hôn, giải quyết
việc nuôi con chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Văn Sỹ.

Ông Nguyễn Khắc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thao – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker Bkông- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2019/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lưu Thị Ngọc C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc N, sinh năm 1985; Địa chỉ: Buôn P, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/02/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lưu Thị Ngọc C trình bày:

Chị Lưu Thị Ngọc C và anh Nguyễn Quốc N tìm hiểu nhau và đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22 tháng 11 năm 2013. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều khác biệt trong cách sống, quan điểm sống từ đó phát sinh mâu thuẫn dẫn đến thường xuyên cãi vã, gây đau khổ cho cả 02 bên. Ngoài ra anh N còn thường xuyên có hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm và uy tín của chị C trước gia đình hai bên và hàng xóm. Vợ chồng đã sống ly thân một thời gian để xem xét, hàn gắn với sự hòa giải của hai bên nội ngoại. Dù đã được nhắc nhở nhiều lần nhưng anh N vẫn tiếp tục tái phạm những hành vi đã nêu ở trên.

Nay chị C nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể cứu vãn do không có hạnh phúc, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên xin ly hôn để cả hai có điều kiện xây dựng cuộc sống mới. Đồng thời cũng tránh ảnh hưởng đến tâm lý của các con khi sống trong hoàn cảnh bố mẹ thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã lẫn nhau.

Về con chung: Vợ chồng chị C, anh N có 02 con chung. Cháu đầu là Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 13/10/2014, cháu thứ hai là Nguyễn Hoài Gia A1, sinh ngày 22/7/2016. Theo yêu cầu của anh N, chị C đồng ý giao hai con cho anh N nuôi dưỡng và chị không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Vợ chồng chị C, anh N sẽ tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, bị đơn là anh Nguyễn Quốc N trình bày:

Anh N xác nhận, anh và chị C lấy nhau là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh cũng xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn cãi vã với nhau từ cuối năm 2018 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa hai người có nhiều hiểu lầm, chị C cho rằng anh N không chừng chặc, không phù hợp với mình nên ít nói chuyện với anh N. Anh N cho rằng mâu thuẫn giữa hai vợ chồng chưa đến mức trầm trọng như chị C trình bày và anh còn yêu thương vợ nên không đồng ý ly hôn.

Anh N xác nhận vợ chồng có hai con chung đúng như chị C trình bày. Trong trường hợp phải ly hôn thì anh đồng ý nuôi hai con như nguyện vọng của chị C và không yêu cầu chị C phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Tòa án nhân dân huyện Lắc thụ lý vụ án hôn nhân và gia đình về quan hệ pháp luật: “Tranh chấp ly hôn, giải quyết việc nuôi con chung khi ly hôn” giữa nguyên đơn chị Lưu Thị Ngọc C với bị đơn anh Nguyễn Quốc N là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, chuẩn bị xét xử. Tại phiên Tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử đã áp dụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lưu Thị Ngọc C:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Ngọc C và anh Nguyễn Quốc N được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị C và anh N, giao cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 13/10/2014 và cháu Nguyễn Hoài Gia A1, sinh ngày 22/7/2016 cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị C, anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lưu Thị Ngọc C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị Lưu Thị Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Quốc N, đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn P, xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắc căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết là đúng với quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Ngọc C và anh Nguyễn Quốc N xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã E, huyện L, tỉnh Đắk Lắk nên quan hệ hôn nhân giữa chị C, anh N là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị C và anh N đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân do quan điểm sống có nhiều khác biệt, vợ chồng không hiểu nhau, thiếu tôn trọng lẫn nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện mà ngày càng tiến triển trầm trọng hơn, việc cãi vã xúc phạm nhau thường xuyên hơn. Từ đầu tháng 3/2019 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, chị C đã đi làm ở xa để hai con sống với anh N tại xã E, huyện L. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị C và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị C về việc ly hôn với anh N.

[3] Về con chung: Chị C và anh N thỏa thuận, giao cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 13/10/2014 và cháu Nguyễn Hoài Gia A1, sinh ngày 22/7/2016 cho anh N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị C không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy sự thỏa thuận này là hoàn toàn tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế của hai anh chị. Chị C đang đi làm ở xa, anh N sinh sống tại địa phương lại có nhà ở đảm bảo điều kiện thuận lợi để nuôi dưỡng các con hơn. Do vậy sự thỏa thuận của chị C, anh N về việc nuôi con là có căn cứ nên được công nhận.

[4] Về tài sản và nợ chung: Do chị C, anh N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Lưu Thị Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 235, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lưu Thị Ngọc C được ly hôn với anh Nguyễn Quốc N.

2. Về con chung:

Công nhận sự thỏa thuận của chị C và anh N, giao cháu Nguyễn Thị Hoài A, sinh ngày 13/10/2014 và cháu Nguyễn Hoài Gia A1, sinh ngày 22/7/2016 cho anh Nguyễn Quốc N nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Lưu Thị Ngọc C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con hoặc theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản và nợ chung: Chị Lưu Thị Ngọc C, anh Nguyễn Quốc N không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Lưu Thị Ngọc C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0001681 ngày 28/02/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lắk;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THA dân sự huyện L;
- Ủy ban nhân dân xã E;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Bùi Văn Tâm